TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ- ST
Ngày 23 tháng 02 năm 2024
V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Sinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Sửu và bà Trần Thị Kim Khuyên.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Quốc Khánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Ông Đỗ Xuân Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 162/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T1, sinh năm 2004 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc T2, sinh năm 1998 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 18/10/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị T1 trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Quốc T2 ngày 24/02/2023. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi cưới, chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh T2. Quá trình vợ chồng chung sống chỉ hòa thuận thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, chị sinh con thì anh T2 không có trách nhiệm với chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị sinh con được 02 tuần thì vợ chồng mâu thuẫn nên chị về nhà mẹ đẻ ở vợ chồng sống ly thân từ ngày 27/9/2023 đến nay. Gia đình hai bên có dàn xếp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị không về đoàn tụ.

Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Quốc T2.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thùy D, sinh ngày 13/9/2023, hiện nay đang ở cùng chị T1. Ly hôn chị T1 đề nghị được nuôi con và yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con thành niên đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất canh tác: Chị T1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc T2 trình bày: Anh thừa nhận về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và thời điểm sống ly thân như chị T1 trình bày là đúng. Theo anh nguyên nhân mâu thuẫn là do anh đi làm công nhân ở xa nhà sáng đi tối về nên không có thời gian quan tâm chăm sóc vợ con dẫn đến chị T1 hiểu lầm cho rằng anh không quan tâm chị và con. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh đề nghị chị T1 suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị T1 trình bày là đúng. Nếu có sự ly hôn anh nhất trí để chị T1 được nuôi con anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T1 2.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất canh tác: Anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T1. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận chị T1 được trực tiếp nuôi con, anh T2 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị T1 2.000.000 đồng/1tháng cho đến khi con thành niên đủ 18 tuổi; về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất canh tác: Chị T1, anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí chị T1, anh T2 phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Bùi Thị T1 khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Nguyễn Quốc T2, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Ngày 18/10/2023 chị Bùi Thị T1 có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Quốc T2. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa chị Bùi Thị T1 và anh Nguyễn Quốc T2 là tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ.

Về tình cảm: Sau khi kết hôn chị T1 và anh T2 có thời gian hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, anh T2 không quan tâm chị T1 dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, sau khi sinh 14 ngày chị T1 về nhà mẹ đẻ ở đến nay, hai gia đình dàn xếp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị T1 không về. Đến nay chị T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn. Anh T2 muốn chị T1 về đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì. Xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm thường hay cãi nhau. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chị T1 xin ly hôn là có căn cứ, anh T2 mong muốn chị T1 về đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì. Vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Bùi Thị T1 được ly hôn anh Nguyễn Quốc T2.

Về con chung: Xét đề nghị của chị T1, anh T2, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay cháu Nguyễn Thùy D mới được hơn 5 tháng tuổi và đang bú mẹ. Ly hôn chị T1, anh T2 đề nghị chị T1 được tiếp tục nuôi cháu D, anh T2 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị T1 2.000.000 đồng/ tháng là phù hợp. Cần chấp nhận sự thỏa thuận này của chị T1 và anh T2.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất canh tác: Chị T1, anh T2 không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh T2 phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thị T1 được ly hôn anh Nguyễn Quốc T2.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thùy D, sinh ngày 13/9/2023 cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Quốc T2 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị T1 2.000.000 đồng/1 tháng kể từ tháng 3/2024 cho đến khi cháu D thành niên đủ 18 tuổi. (Hiện nay cháu D đang ở cùng chị T1). Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất canh tác: Chị T1, anh T2 không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000064 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị T1 đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Nguyễn Quốc T2 phải chịu 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị T1, anh T2 có mặt có quyền kháng cáo bản án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã T (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Sinh